ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ThS. BÙI THỊ PHƯƠNG CHI

GIÁO TRÌNH
TIẾNG VIỆT THƯƠNG MẠI

(DÀNH CHO HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI)

NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

GIÁO TRÌNH
TIẾNG VIỆT THƯƠNG MẠI
(DÀNH CHO HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI)

Người biên soạn:

ThS. Bùi Thị Phương Chi

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2017

GIÁO TRÌNH

TIẾNG VIỆT THƯƠNG MẠI

(DÀNH CHO HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI)

ThS. BÙI THỊ PHƯƠNG CHI

Bản tiếng Việt © KHOA VIỆT NAM HỌC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN- ĐHQG TPHCM, NXB ĐHQG-HCM và TÁC GIẢ.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ bởi Luật Xuất bản và Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Nghiêm cấm mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phát tán nội dung khi chưa có sự đồng ý của tác giả và Nhà xuất bản.

ĐỂ CÓ SÁCH HAY, CẦN CHUNG TAY BẢO VỆ TÁC QUYỀN!

LỜI NÓI ĐẦU

Từ sau khi Việt Nam có chính sách đổi mới, và đặc biệt sau khi Luật đầu tư nước ngoài ra đời, nhiều công ty lớn từ các nước đã đến Việt Nam để tìm hiểu môi trường đầu tư, thiết lập các mối quan hệ làm ăn với Việt Nam. Làn sóng đầu tư, hợp tác kinh doanh với Việt Nam càng diễn ra mạnh mẽ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và ký kết được Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài lớn, nhỏ cũng tìm thấy nhiều cơ hội làm ăn ở Việt Nam. Vì vậy, nhu cầu học tiếng Việt của người nước ngoài để làm ăn ngày càng cao.

Cuốn Giáo trình Tiếng Việt thương mại được biên soạn nhằm giúp các sinh viên hệ chính quy Khoa Việt Nam học, các học viên có nhu cầu kinh doanh tại Việt Nam làm quen với các thuật ngữ, các mẫu hội thoại liên quan đến các lĩnh vực thương mại. Đồng thời, nó cũng cung cấp một số kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư, kinh doanh theo thông lệ quốc tế.

Nội dung cuốn giáo trình gồm 8 bài học theo các chủ đề như tìm hiểu việc đầu tư tại Việt Nam, cách thiết lập quan hệ, cách đàm phán, cách chào giá và đàm phán giá, các phương thức thanh toán quốc tế, các phương thức vận chuyển hàng hóa, cách soạn thảo hợp đồng, cách giải quyết khiếu nại.

Mỗi bài học gồm 4 phần: 1. Giới thiệu; 2. Hội thoại; 3. Bài đọc; 4. Bảng từ vựng tiếng Việt Anh Hàn. Trong đó có một số bài tập luyện từ vựng, luyện hội thoại và câu hỏi trả lời theo nội dung bài đọc. Ngoài phần nội dung chính, còn có phần phụ lục gồm mẫu hợp đồng bằng tiếng Anh và mẫu hợp đồng mua bán hàng hóa dùng trong nước. Giáo trình cũng có phần âm thanh kèm theo để tiện cho sinh viên, học viên luyện nghe. Để thuận tiện cho sinh viên tra cứu, từ vựng trong bảng từ mới có thể là một từ hay một cụm từ. Từ vựng

sau mỗi bài được dịch sang tiếng Anh và tiếng Hàn theo thứ tự xuất hiện trong bài, còn ở phần phụ lục, từ vựng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái.

Giáo trình này phù hợp với các sinh viên, học viên trình độ tiếng Việt từ trung cấp trở lên và được giảng dạy trong thời lượng 30 tiết hay 45 tiết tùy đối tượng học.

Giáo trình không thể tránh khỏi sai sót, chúng tôi mong nhận được sự đóng góp của quý thầy cô và các sinh viên, học viên để hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Chúng tôi cũng xin chân thành cám ơn những đóng góp quý báu về nội dung và hình thức cho cuốn giáo trình này của PGS.TS Trần Thủy Vịnh và TS Nguyễn Văn Phổ. Cám ơn các em học viên Ko Joo Hwi (nhân viên công ty KT), Jung Yong Sang (doanh nhân), Moon Ji Youn (cựu sinh viên Khoa Việt Nam học) đã giúp chúng tôi phần dịch từ sang tiếng Hàn.

Tác giả

ThS. Bùi Thị Phương Chi.

MỤC LỤC

		Trang
LỜI GIỚI THIỆU		
Bài 1: TÌM HIỂU VIỆC ĐẦU TƯ		1
I.	Giới thiệu	1
II.	Hội thoại	1
III.	Bài đọc: Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	5
IV.	Từ vựng tiếng Việt – Anh - Hàn	13
Bài 2: THIẾT LẬP MỐI QUAN HỆ THƯƠNG MẠI		16
I.	Giới thiệu	16
II.	Hội thoại	16
III.	Bài đọc: Công ty STCO sang thăm và làm việc với đối tác tại Việt Nam	21
IV.	Từ vựng tiếng Việt Anh - Hàn	26
Bài 3: CÁCH ĐÀM PHÁN		28
I.	Giới thiệu	28
II.	Hội thoại	28
III.	Bài đọc: Các trình tự tiến hành trong đàm phán thương mại	32
IV.	Từ vựng tiếng Việt Anh - Hàn	38

Bài 4: CHÀO GIÁ VÀ TRẢ GIÁ 40

I. Giới thiệu 40

II. Hội thoại 40

III. Bài đọc: Nghệ thuật đàm phán giá với khách hàng 43

IV. Từ vựng tiếng Việt Anh - Hàn 49

Bài 5: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN 51

I. Giới thiệu 51

II. Hội thoại 51

III. Bài đọc: Các phương thức thanh toán quốc tế 54

IV. Từ vựng tiếng Việt Anh - Hàn 61

Bài 6: VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA 64

I. Giới thiệu 64

II. Hội thoại 64

III. Bài đọc: Các điều kiện vận chuyển hàng hóa (INCOTERMS) 68

IV. Từ vựng tiếng Việt Anh - Hàn 74

Bài 7: KÝ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI 76

I. Giới thiệu 76

II. Hội thoại 76

III. Bài đọc: Mẫu hợp đồng nhập khẩu máy móc 80

IV. Từ vựng tiếng Việt Anh - Hàn 86

Bài 8: KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI 88

I. Giới thiệu 88

II. Hội thoại 88

III. Bài đọc: Được, mất sau khiếu nại của người tiêu dùng 91

IV. Từ vựng tiếng Việt Anh - Hàn 97

Phụ lục

1. Bản tiếng Anh mẫu hợp đồng nhập khẩu máy móc 99
2. Mẫu hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước Việt Nam 103
3. Bảng tổng hợp từ vựng tiếng Việt Anh - Hàn 109

BÀI 1 »»TÌM HIỂU VIỆC ĐẦU TƯ««

I. GIỚI THIỆU

Nếu không có chuyên môn về kinh tế mà muốn đầu tư kinh doanh ra nước ngoài, trước hết bạn phải tìm hiểu sơ về các hình thức đầu tư và luật pháp của nước đó.

II. HỘI THOẠI

Anh Lee	Anh Park này, anh cho tôi hỏi một chút.
Anh Park	Có chuyện gì vậy?
Anh Lee	Anh làm ăn ở nước ngoài nhiều năm, làm ơn giải thích cho tôi vài **thuật ngữ** kinh tế. Tôi chẳng hiểu gì cả.
Anh Park	Ái chà, định đổi nghề sang **kinh doanh** sao?
Anh Lee	Vâng. Nói thật với anh, bố vợ tôi mới cho vợ chồng tôi một ít vốn và bảo tôi kiếm cái gì đó mà kinh doanh chứ cả đời đi dạy học thì khó mà giàu nổi.
Anh Park	Anh muốn kinh doanh lĩnh vực gì?
Anh Lee	Tôi chưa biết nhưng nghe nói sang Việt Nam **làm ăn** dễ lắm, phải không anh? Tôi chưa biết phải bắt đầu như thế nào. Tôi hay nghe nói **FDI** và **FPI** là cái gì vậy anh?
Anh Park	Đó là các hình thức đầu tư. Để tôi giải thích **sơ sơ** cho anh biết nhé. **FDI** là đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đây là hình thức **đầu tư dài hạn** của cá nhân hay công ty nước này vào nước khác bằng cách **thiết lập cơ sở sản xuất, kinh doanh**. Cá nhân hay công ty nước ngoài đó sẽ **nắm quyền quản lý** cơ sở sản xuất kinh doanh này.